

Số/No: 19.1.MG.1.683-F

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- 1. Tên mẫu thử/ Sample: **BÁT SB - 610 E**
LÔ 270702
- 2. Khách hàng/ Customer: **CÔNG TY TNHH HIWIN HONGKONG**
- 3. Số lượng mẫu/ Quantity: 01
- 4. Tình trạng mẫu/ Observation: *Xem ảnh kèm theo*
- 5. Ngày nhận mẫu/ Reception date: 19 / 08 / 2024
- 6. Ngày thử nghiệm/ Time duration: 19 / 08 / 2024
- 7. Phương pháp thử/ Test method: ASTM E1086 - 22
- 8. Ngày hoàn thành/ Completion: 19 / 08 / 2024
- 9. Kết quả thử nghiệm/ Result of testing: *Xem trang sau / See next page*

P. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM CƠ KHÍ - VLXD
Head of Mechanical and Construction Material Testing Lab.


Nguyễn Văn Minh

Hà nội, ngày 21 / 08 / 2024
GIÁM ĐỐC/ Director



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- 1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.*
This test results is value only for samples taken by customer.
- 2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.*
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- 3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 24.174.1689.F

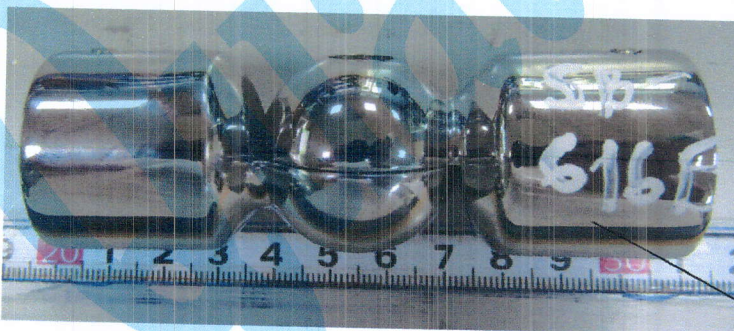
Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT Items	TÊN CHỈ TIÊU Specifications		P. PHÁP THỬ Test methods	M. QUY ĐỊNH Requirement	KẾT QUẢ Results
1	Thành phần hóa học	%	ASTM E1086 - 22	JIS G4305 (SUS 304)	
	• Carbon	C		≤ 0,080	0,0728
	• Silicon	Si		≤ 1,000	0,6234
	• Sulfur	S		≤ 0,030	0,0054
	• Phosphorus	P		≤ 0,045	0,0336
	• Manganese	Mn		≤ 2,000	1,1331
	• Nickel	Ni		8,000 ÷ 10,500	8,2776
	• Chromium	Cr		18,000 ÷ 20,000	18,5050
	• Molybdenum	Mo			0,0339
	• Vanadium	V			0,0994
	• Copper	Cu			0,0906
	• Tungsten	W			0,0076
	• Titanium	Ti			0,0043

Ảnh mẫu thử nghiệm/ Picture of sample testing



▲ Vị trí thử

